

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày: 20/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Đức Minh**

Bà Nguyễn Thị Cúc

Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Hồng Hà** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Bách Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 39/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cung cấp thiết bị”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXX-KDTM ngày 15/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2021/QĐHPT-KDTM ngày 31/12/2021.

* ***Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần P (trước đây là Công ty Cổ phần S); trụ sở: H, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Do ông Phạm Đức L – Giám đốc đại diện theo pháp luật. *Người đại diện theo ủy quyền:* bà Nguyễn Thị M, trú tại: xã Thăng Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (Giấy ủy quyền số 2212/2020/UQ-SBC ngày 22/12/2020 của ông Phạm Đức L) (có mặt).

* ***Bị đơn:*** Công ty TNHH Cơ Nhiệt lạnh H ; Trụ sở: Số A Đ, phường Long Biên, Long Biên, Hà Nội. Do ông Trần văn V - Giám đốc, Đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, Công ty Cổ phần P do bà Nguyễn Thị M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần P(trước đây là Công ty Cổ phần S), sau đây gọi tắt là Công ty Nhà thép và Công ty TNHH Cơ Nhiệt lạnh H , sau đây gọi tắt là Công ty Nhiệt lạnh có quan hệ hợp tác làm ăn với nhau. Quá trình hợp tác ngày 02/01/2019, hai bên đã ký kết hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 về việc cung cấp, vận chuyển, lắp dựng kết cấu thép cho công trình Nhà máy cơ nhiệt lạnh H tại thôn Long Đăng, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Giá trị hợp đồng là 1.540.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT); giá trị phụ lục phát sinh là 38.874.063 đồng. Tổng giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng là 1.578.874.063 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Nhà thép đã hoàn thiện và bàn giao xong các nội dung công việc theo hợp đồng đã ký cho Công ty Nhiệt lạnh nhưng Công ty Nhiệt lạnh đã không tuân thủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trên tinh thần thiện chí, Công ty Nhà thép đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty Nhiệt lạnh thực hiện thanh toán dứt điểm số tiền nợ còn lại theo hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019, tuy nhiên Công ty Nhiệt lạnh cố tình viện nhiều lý do để trốn tránh trách nhiệm, chây ỳ không chịu thanh toán. Tính đến ngày 01/6/2020, Công ty Nhiệt lạnh mới thanh toán được cho Công ty Nhà thép được số tiền là 1.070.000.000 đồng. Ngày 01/6/2020, Công ty Nhà thép đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Long Biên để đề nghị Tòa án buộc Công ty Nhiệt lạnh phải thanh toán trả cho Công ty Nhà thép số tiền nợ gốc là 508.874.063 đồng, đồng thời thanh toán trả cho Công ty Nhà thép khoản tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi Công ty Nhà thép khởi kiện đến Tòa án, Công ty Nhiệt lạnh đã thanh toán thêm số tiền là 308.500.000 đồng. Do Công ty Nhiệt lạnh đã thanh toán thêm được một phần số tiền nợ gốc nên ngày 22/12/2020, Công ty Nhà thép có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 308.500.000 đồng; Đề nghị Tòa án buộc Công ty Nhiệt lạnh phải trả số tiền nợ gốc là 200.374.063 đồng và tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 19/01/2022 Công ty Cổ phần P(trước đây là Công ty Cổ phần S) có đơn đề nghị được rút một phần yêu cầu khởi kiện của vụ án. Cụ thể: rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính trên số tiền nợ 658.874.063 đồng tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày 07/10/2019 là 20.613.263 đồng. Đề nghị Tòa án buộc Công ty Nhiệt lạnh phải trả số tiền nợ gốc là 200.374.063 đồng và tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ, tạm tính đến ngày 20/01/2022, số tiền nợ gốc và lãi là: 200.374.063 đồng + 68.797.525 đồng = 269.171.588 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M rút một phần yêu cầu về lãi đối với số tiền là 6.879.750 đồng và rút yêu cầu khởi kiện đối với mức lãi suất chậm trả tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ từ 10%/năm xuống còn 9%/năm, cụ thể: Quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng thì *“hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng”* do vậy nguyên đơn sẽ tính lãi phạt chậm trả theo quy định tại Nghị định 37 với mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV nơi nguyên đơn mở tài khoản thanh toán cung cấp và công bố là 9%/năm.

Công ty Cổ phần Pđề nghị Tòa án buộc Công ty Nhiệt lạnh Hà Nội thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu của hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ký ngày 02/01/2019 và phụ lục phát sinh là 200.374.063 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất yêu cầu là 9%/năm cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, tạm tính đến ngày 20/01/2022 là: 61.917.775 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc là 508.874.063 đồng (từ 08/10/2019 đến 02/6/2020) lãi 9%/năm, thành tiền: $508.874.063 \text{ đồng} \times 238 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 29.863.240 \text{ đồng}$.
- Nợ gốc là 418.874.063 đồng (từ 03/6/2020 đến 17/6/2020) lãi 9%/năm, thành tiền: $418.874.063 \text{ đồng} \times 14 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 1.445.976 \text{ đồng}$.
- Nợ gốc là 348.874.063 đồng (từ 18/6/2020 đến 16/7/2020) lãi 9%/năm, thành tiền: $348.874.063 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 2.408.665 \text{ đồng}$.
- Nợ gốc là 278.874.063 đồng (từ 17/7/2020 đến 08/9/2020) lãi 9%/năm, thành tiền: $278.874.063 \text{ đồng} \times 53 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 3.644.464 \text{ đồng}$.
- Nợ gốc là 200.874.063 đồng (từ 09/9/2020 đến 20/01/2022) lãi 9%/năm, thành tiền: $200.874.063 \text{ đồng} \times 497 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 24.555.430 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là: 262.291.838 đồng; trong đó: Nợ gốc: 200.374.063 đồng, nợ lãi: 61.917.775 đồng.

***Về phía bị đơn:** Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H từ giai đoạn Thông báo thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử theo đúng quy định của Pháp luật nhưng Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi. Do Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên có quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ bằng phương thức niêm yết công khai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án đã quá thời hạn theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các điều 30, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 235, 244, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 138, 149, 144 Luật Xây dựng năm 2015; Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P (trước đây là Công ty Cổ phần S) đối với Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh Hà Nội- Hải Phòng về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng. Buộc Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh phải thanh toán cho Công ty Cổ phần P số tiền nợ gốc còn thiếu theo Hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 và phục lục phát sinh số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 và tiền lãi chậm trả.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Công ty Cổ phần P (trước đây Công ty Cổ phần S) và Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh Hà Nội - Hải Phòng có ký Hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 và 01 phụ lục phát sinh thuộc hợp đồng số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 về việc cung cấp cho Công ty Nhiệt lạnh Hà Nội các loại vật tư, thiết bị, vận chuyển, lắp dựng kết cấu thép cho công trình Nhà máy cơ nhiệt lạnh H tại thôn Long Đằng, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Việc ký hợp đồng kinh tế là phục vụ mục đích kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1.2. Về thẩm quyền: Bị đơn là Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại số 36 Đàm Quang Trung, phường Long Biên, Long Biên, Hà Nội, do ông Trần Văn Việt - Giám đốc đại diện theo pháp luật, vì vậy vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu: Ngày 02/01/2019 hai bên ký hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019. Nguyên đơn xuất trình chi tiết giao dịch thời gian gần nhất là ngày 17/06/2020. Cùng trong năm 2020 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án quận Long Biên, như vậy việc Tòa án thụ lý vụ kiện là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do Luật Xây dựng không quy định cụ thể về thời hiệu khởi kiện nên áp dụng Bộ luật Dân sự quy định về thời hiệu khởi kiện là 03 năm đối với Hợp đồng; Luật Thương mại 2005 quy định về thời hiệu khởi kiện là 02 năm; Như vậy về thời hiệu khởi kiện vẫn nằm trong quy định của luật Thương mại cũng như Luật dân sự.

1.4. Về việc thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

1.5. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và không có người đại diện đến tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Cổ phần P(trước đây là Công ty Cổ phần S) và Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh Hà Nội - Hải Phòng có giao kết 01 Hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 và 01 phụ lục phát sinh hợp đồng số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 về việc cung cấp cho Công ty Nhiệt lạnh các loại vật tư, thiết bị, vận chuyển, lắp dựng kết cấu thép cho công trình Nhà máy cơ nhiệt lạnh H tại thôn Long Đằng, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Tổng giá trị hợp đồng là 1.578.874.063 đồng. Xét nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đại diện Công ty Cổ phần S là ông Nguyễn Trung Miến, chức vụ: Giám đốc; đại diện Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh Hà Nội - Hải Phòng là ông Trần Văn Việt; chức vụ: Giám đốc. Như vậy Hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 được ký kết bởi người có thẩm quyền, đã tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp với các quy định của pháp luật về Dân sự và luật Thương mại. Do vậy hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 có giá trị pháp lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Nhà thép đã triển khai thi công và hoàn thành khối lượng được giao đảm bảo yêu cầu về tiến độ, chất lượng, hoàn tất hồ sơ hoàn công, nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, thể hiện qua biên bản nghiệm thu hoàn thành – bàn giao đưa vào sử dụng ngày 20/05/2019 và Biên bản thanh lý ngày 20/05/2019. Sau khi công trình đã đưa vào sử dụng, nguyên đơn và bị đơn đã chốt biên bản ghi nhớ ngày 12/08/2019 và biên bản xác nhận công nợ lần cuối vào ngày 26/09/2019, số tiền nợ của hợp đồng là: 658.874.063 đồng. Ngày 07/10/2019 bị đơn thanh toán 150.000.000đồng sau đó không thanh toán tiếp tiền nợ cho nguyên đơn dẫn tới ngày 13/07/2020 nguyên đơn làm đơn khởi kiện

gửi đến Tòa án nhân dân quận Long Biên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 là 508.874.063 đồng và lãi phát sinh. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, bị đơn đã tiếp tục thanh toán 308.500.000 đồng nên đến khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc, số nợ gốc còn lại: 200.374.063 đồng. Từ khi Tòa án giải quyết đến nay, phía bị đơn không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác cho nguyên đơn.

Căn cứ lời khai nguyên đơn thì công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 đã được thanh quyết toán 70% giá trị, do đó Công ty Nhiệt lạnh có nghĩa vụ phải thanh quyết toán nốt khoản nợ còn thiếu theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tại Điều 4.1 của hợp đồng giữa hai bên và đúng quy định của pháp luật. Do đó Công ty Cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần nhà khung thép và thiết bị công nghiệp) khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh Hà Nội - Hải Phòng thanh toán công nợ còn thiếu theo hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 số tiền nợ gốc 200.374.063 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- **Về yêu cầu lãi chậm thanh toán:** Hợp đồng kinh tế 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 được quyết toán như sau:

Giá trị hợp đồng: 1.578.3874.000 đồng

Giá trị thanh toán: 1.070.000.000 đồng

Như vậy, hợp đồng đã được thanh toán 70% giá trị, còn lại số tiền 508.874.063 đồng.

Xét về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn thấy rằng: Tại hợp đồng kinh tế 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 các bên không thỏa thuận về lãi suất. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để yêu cầu bị đơn thanh toán lãi xuất 10%. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn căn cứ vào Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng để tính lãi phạt chậm thanh toán là 9%/năm. Tại điều 43 Nghị định 37 quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng thì: *“Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán...”*. Tại hợp đồng số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 thì Công ty Nhà thép mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân. Căn cứ mức lãi suất cho vay thời hạn 12 tháng mà ngân hàng cung cấp là 9%/năm. Như vậy về mức lãi chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu là 9%/năm, phù hợp với mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân cung cấp nên được chấp nhận.

Về tiền lãi do chậm thanh toán: Tại Tòa án, nguyên đơn đề nghị bị đơn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền 508.874.063 đồng chậm thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 bắt đầu từ ngày 08/10/2019.

Theo Điều 4.1 của Hợp đồng thì các giai đoạn thanh toán được hai bên thống nhất như sau:

“ ...

- Đợt 1: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền tương ứng 30% của giá trị hợp đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;

- Đợt 2: Sau khi bên B sản xuất hoàn thiện xong toàn bộ phần kết cấu thép chính (cột, kèo, dầm), được bên A nghiệm thu xuất xưởng tại nhà máy của bên B và bên B bắt đầu chuyển hàng tới công trường bắt đầu lắp đặt trong vòng 5 ngày của bên A thanh toán tiếp cho bên B số tiền tương đương ứng 50% tổng giá trị hợp đồng;

- Đợt 3: Số tiền còn lại của hợp đồng tương đương 20% giá trị của hợp đồng, bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B không quá 15 ngày sau khi bên B bàn giao cho bên A các biên bản sau: Nghiệm thu bàn giao; Biên bản thanh lý hợp đồng; Bản vẽ hoàn công; Hóa đơn giá trị gia tăng ”.

Ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành – bàn giao đưa vào sử dụng là ngày 20/5/2019; Biên bản thanh lý hợp đồng là ngày 20/05/2019, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000307 ngày 30/05/2019. Ngày 12/08/2019 hai bên ký biên bản ghi nhớ cuộc họp có nội dung:

“ ...

- Công ty Cơ Nhiệt lạnh xác nhận số liệu công nợ với Công ty Nhà thép SBC tới thời điểm 12/08/2019 là 658.874.063 đồng;

- Công ty Cơ Nhiệt lạnh cam kết lộ trình thanh toán như sau: trong vòng 15 ngày sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên cho công ty CP nhà thép SBC Việt Nam”.

Ngày 26/09/2019 Công ty Nhà thép SBC có bản xác nhận công nợ gửi công ty Cơ Nhiệt lạnh trong đó có nội dung:

“ ...

số tiền quý công ty còn phải trả Công ty chúng tôi là 658.874.063 đồng. Quý Công ty vui lòng kiểm tra, ký xác nhận công nợ chuyển lại 01 bản gốc và thanh toán cho công ty chúng tôi. Nếu phát hiện có sự chênh lệch về số liệu giữa hai đơn vị, quý Công ty vui lòng phản hồi thông tin để đối chiếu ...- kế toán.

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi quý công ty nhận được bản xác nhận công nợ này, nếu Công ty CP nhà thép SBC Việt Nam không nhận được phản hồi từ Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H thì số dư công nợ ghi trong biên bản này mặc nhiên được công nhận là đúng”.

Sau khi Công ty Nhiệt lạnh do ông Trần Văn Việt ký xác nhận và gửi lại biên bản xác nhận công nợ. Ngày 07/10/2019 Công ty Nhiệt lạnh đã chuyển khoản

cho Công ty Nhà thép số tiền 150.000.000 đồng nên nợ gốc còn lại là: 508.874.063 đồng và kể từ sau ngày 07/10/2019 bị đơn không thanh toán thêm nợ gốc do đó nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/07/2020 nguyên đơn đã có đề nghị: “Nhận thấy sự bất hợp tác của Công ty Cơ nhiệt lạnh trong việc thanh toán dứt điểm số tiền công nợ nói trên, ngày 01/6/2020 Công ty Nhà thép đã khởi kiện vụ việc ra Tòa án. Tính đến thời điểm khởi kiện ngày 01/06/2020, Công ty Nhiệt lạnh mới thanh toán được số tiền 1.070.000.000 đồng, số tiền còn nợ là: 508.874.063 đồng”, nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 08/10/2019 được chấp nhận.

Nhận thấy: Hai bên không thỏa thuận về lãi suất do chậm thanh toán trong hợp đồng nên nguyên đơn căn cứ vào Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, tại về Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng thì: “*Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán...*”. Tại hợp đồng số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 thì Công ty thép SBC mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân. Căn cứ mức lãi suất cho vay thời hạn 12 tháng mà ngân hàng cung cấp là 9%/năm. Như vậy về mức lãi chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu là 9%/năm, phù hợp với mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân cung cấp nên được chấp nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 9%/năm cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 508.874.063 đồng từ ngày 08/10/2019 đến ngày 02/6/2020 với lãi suất 9%/năm, thành tiền: $508.874.063 \text{ đồng} \times 238 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 29.863.240 \text{ đồng}$.

- Nợ gốc là 418.874.063 đồng từ ngày 03/6/2020 đến ngày 17/6/2020 với lãi suất 9%/năm, thành tiền: $418.874.063 \text{ đồng} \times 14 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 1.445.976 \text{ đồng}$.

- Nợ gốc là 348.874.063 đồng từ ngày 18/6/2020 đến ngày 16/7/2020 với lãi suất 9%/năm, thành tiền: $348.874.063 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 2.408.665 \text{ đồng}$.

- Nợ gốc là 278.874.063 đồng từ ngày 17/7/2020 đến ngày 08/9/2020 với lãi suất 9%/năm, thành tiền: $278.874.063 \text{ đồng} \times 53 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 3.644.464 \text{ đồng}$.

- Nợ gốc là 200.874.063 đồng từ ngày 09/9/2020 đến ngày 20/01/2022 với lãi suất 9%/năm, thành tiền: $200.874.063 \text{ đồng} \times 497 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 24.555.430 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 20/01/2022 là 61.917.775 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát quận Long Biên: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo:

4.1. Bị đơn: Công ty Nhiệt Lạnh phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần P(trước đây là Công ty Cổ phần S) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4.3 Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 138; 140; 144 Luật xây dựng năm 2014

- Căn cứ Điều 317, 319 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

- Căn cứ Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/2010 quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P(trước đây là Công ty Cổ phần S) đối với Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H .

2. Buộc Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần P tổng số tiền theo Hợp đồng kinh tế số 001/HĐKT-CNL-SEICO/2019 ngày 02/01/2019 tính đến ngày 20/01/2022 là **262.291.838 đồng**; Trong đó: số tiền nợ gốc là **200.374.063 đồng**; số tiền nợ lãi chậm thanh toán là **61.917.775 đồng**.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P đối với Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H về số tiền lãi chậm thanh toán là **27.493.013 đồng**.

4. Ngoài số tiền nợ gốc, nợ lãi Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần P tính đến ngày 20/01/2022 như trên, Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H còn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất cho vay thời hạn 12 tháng mà Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân thông báo trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 20/01/2022 cho đến khi thanh toán xong.

5. Về án phí Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là **13.114.592 đồng**.

Trả lại cho Công ty Cổ phần P(trước đây là Công ty Cổ phần S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **6.516.000 đồng** theo biên lai số 0016537 ngày 30/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội, ngày 30/10/2020.

6. Quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty TNHH Cơ nhiệt lạnh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật có đơn xin thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhân:

- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HSA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh